

ĐIỂM THI VÀO LỚP 10 CHUYÊN LÝ
TRƯỜNG THPT LÊ HỒNG PHONG NAM ĐỊNH 2018

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngoại ngữ	Điểm thi				Tổng chuyên	Tổng ko chuyên	Điểm sơ tuyển	Điểm KK	Ghi chú
					Văn	Toán	NgNgữ	Chuyên					
1	112383	NGUYỄN TUẤN ANH	28/08/2003	T. Anh	5.00	5.75	7.40	4.75	5.53	6.05	16.0		
2	112384	TRẦN VIỆT ANH	02/11/2003	T. Anh	5.00	5.00	8.00	3.50	5.00	6.00	16.0		
3	112385	NGUYỄN HỮU CHÍ	03/04/2003	T. Anh	3.75	5.50	6.80	6.00	5.61	5.35	18.0		
4	112386	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	15/03/2003	T. Anh	6.00	5.50	7.20	2.75	4.84	6.23	16.0		NV2: Ch Địa
5	112387	TRẦN THỊ THU HẰNG	21/06/2003	T. Anh	4.75	5.25	6.60	3.50	4.72	5.53	16.0		
6	112388	NGUYỄN THỊ TRANG HƯỜNG	04/12/2003	T. Anh	4.50	4.00	3.70	1.25	2.94	4.07	10.0		NV2: Ch Địa
7	112389	VŨ ĐỨC MINH	15/03/2003	T. Anh	3.50	3.50	4.90	1.25	2.88	3.97	16.0		
8	112390	MAI NGỌC MINH	06/04/2003	T. Anh	4.75	7.00	6.70	6.50	6.29	6.15	17.0		
9	112391	PHẠM NGUYỄN	27/11/2003	T. Anh	6.25	6.00	5.30	5.75	5.81	5.85	18.0		
10	112392	PHẠM VĂN NHẬT	14/05/2003	T. Anh	6.50	5.00	5.00	2.25	4.20	5.50	16.0		NV2: Ch Địa
11	112393	ĐẶNG THỊ QUỲNH	26/04/2003	T. Anh	7.25	5.25	4.50	4.25	5.10	5.67	16.0		NV2: Ch Địa
12	112394	ĐOÀN HUY SỸ	24/04/2003	T. Anh	4.75	4.25	4.10	2.00	3.42	4.37	16.0		
13	112395	PHẠM NGỌC THÀNH	20/04/2003	T. Anh	6.25	5.75	6.80	2.00	4.56	6.27	16.0		
14	112396	NGUYỄN HƯỜNG THẢO	10/05/2003	T. Anh	5.25	5.25	5.70	3.75	4.74	5.40	18.0		NV2: Ch Địa
15	112397	PHẠM MAI THY	14/10/2003	T. Anh	5.00	5.25	6.80	2.00	4.21	5.68	16.0		
16	112398	HOÀNG TRUNG TIẾN	03/12/2003	T. Anh	5.75	5.75	7.20	3.00	4.94	6.23	14.0		NV2: Ch Địa

Tổ kỹ thuật viên máy tính:

Kỹ thuật viên

Tổ trưởng

Đặng Trung Kiên

Lê Quốc Việt

Trần T. Thanh Huyền

Phan Duy Hiền

Bảng này có 16 thí sinh được ghi theo Bảng ghi tên dự thi và được nhập điểm theo quy định

- Tổng số điểm môn Văn : 84.25 môn Toán : 84.00 Ngoại ngữ 96.70 môn chuyên : 54.50
- Số thí sinh bị huỷ kết quả do thái độ sai: 0

Nam Định, ngày 31/05/2018
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
CHUYÊN
LÊ HỒNG PHONG
Ngô Vỹ Nông

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngoại ngữ	Điểm thi				Tổng chuyên	Tổng ko chuyên	Điểm sơ tuyển	Điểm KK	Ghi chú
					Văn	Toán	NgNgữ	Chuyên					
1	110491	PHẠM VĂN AN	29/05/2003	T. Anh	7.00	4.50	4.90	8.00	6.15	5.47	18.0		
2	110492	ĐẶNG ĐỨC ANH	31/08/2003	T. Anh	6.25	4.50	6.80	8.00	6.34	5.85	16.0		
3	110493	NGUYỄN ĐỨC ANH	17/08/2003	T. Anh	4.25	5.75	6.60	8.75	6.64	5.53	17.0		
4	110494	NGÔ THỊ NGỌC ANH	29/09/2003	T. Anh	6.50	5.50	6.00	0.25	4.00	6.00	16.0		
5	110495	NGUYỄN ĐOÀN PHƯƠNG ANH	12/09/2003	T. Anh	7.25	6.00	8.00	6.75	6.79	7.08	19.0		
6	110496	NGUYỄN QUỐC ANH	25/11/2003	T. Anh	5.25	4.00	3.00	0.25	2.79	4.08	12.0		
7	110497	NGUYỄN THỊ TRÚC ANH	20/04/2003	T. Anh	3.25	4.50	6.50	5.75	5.04	4.75	16.0		
8	110498	PHẠM TUẤN ANH	19/11/2003	T. Anh	5.50	6.50	7.90	10.00	7.73	6.63	20.0		
9	110499	VŨ MINH ÁNH	12/03/2003	T. Anh	6.25	5.25	6.00	4.75	5.38	5.83	17.0		
10	110500	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	05/03/2003	T. Anh	6.25	4.25	4.10	6.00	5.14	4.87	16.0		
11	110501	TRẦN ĐÌNH CHIẾN	22/09/2003	T. Anh	5.00	4.75	3.40	5.25	4.73	4.38	18.0		
12	110502	LƯU MINH CHIẾN	31/03/2003	T. Anh	4.00	4.25	5.10	6.00	4.93	4.45	14.0		
13	110503	TỔNG DUY CHÍNH	21/02/2003	T. Anh	4.75	5.00	6.20	4.00	4.83	5.32	16.0		
14	110504	ĐẶNG ĐỨC CƯỜNG	08/03/2003	T. Anh	5.25	5.50	7.50	9.50	7.13	6.08	16.0		
15	110505	PHẠM VIỆT CƯỜNG	26/02/2003	T. Anh	4.25	5.25	3.80	5.00	4.76	4.43	17.0		
16	110506	LẠI THẾ DUNG	26/09/2003	T. Anh	4.50	5.25	7.00	6.00	5.67	5.58	17.0		
17	110507	MAI TIẾN DŨNG	10/10/2003	T. Anh	4.25	6.75	3.50	3.50	4.71	4.83	16.0		
18	110508	ĐỖ TUẤN DŨNG	30/10/2003	T. Anh	3.00	4.00	5.00	7.00	5.00	4.00	13.0		
19	110509	TRẦN VIỆT DŨNG	19/02/2003	T. Anh	5.50	4.50	6.40	8.50	6.32	5.47	16.0		
20	110510	VŨ NGỌC DUY	26/08/2003	T. Anh	5.50	7.00	5.30	9.50	7.30	5.93	20.0		
21	110511	ĐỖ ÁNH DƯƠNG	19/07/2003	T. Anh	3.25	5.25	8.40	9.50	6.86	5.63	16.0		
22	110512	TRẦN TÙNG DƯƠNG	13/11/2003	T. Anh	7.25	5.75	8.70	8.50	7.41	7.23	17.0		
23	110513	NGUYỄN MINH ĐẠT	25/06/2003	T. Anh	5.25	4.75	6.70	2.50	4.41	5.57	16.0		
24	110514	BÙI QUỐC ĐẠT	22/06/2003	T. Anh	4.00	4.50	6.30	9.00	6.22	4.93	19.0		

Tổ kỹ thuật viên máy tính:

Kỹ thuật viên

Tổ trưởng

Đặng Trung Kiên

Lê Quốc Việt

Trần T. Thanh Huyền

Phan Duy Hiền

Bảng này có 24 thí sinh được ghi theo Bảng ghi tên dự thi và được nhập điểm theo quy định

- Tổng số điểm môn Văn : 123.50 môn Toán : 123.25 Ngoại ngữ : 143.10 môn chuyên : 152.25
- Số thí sinh bị huỷ kết quả do thái độ sai: 0

Nam Định, ngày 31/05/2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Ngô Vỹ Nông

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngoại ngữ	Điểm thi				Tổng chuyên	Tổng ko chuyên	Điểm sơ tuyển	Điểm KK	Ghi chú
					Văn	Toán	NgNgữ	Chuyên					
1	110515	VŨ THUỜNG ĐẠT	23/04/2003	T. Anh	6.00	4.75	5.90	8.25	6.32	5.55	16.0		
2	110516	ĐẶNG TUẤN ĐẠT	29/01/2003	T. Anh	4.25	2.75	2.70	1.25	2.49	3.23	10.0		
3	110517	TRƯỜNG TUẤN ĐẠT	09/06/2003	T. Anh	4.75	6.00	8.40	4.75	5.78	6.38	16.0		
4	110518	ĐẶNG TUẤN ĐIẾP	17/12/2003	T. Anh	6.25	5.00	6.60	8.25	6.56	5.95	18.0		
5	110519	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	21/09/2003	T. Anh	4.50	5.25	4.40	8.75	6.15	4.72	17.0		
6	110520	MAI ANH ĐỨC	16/08/2003	T. Anh	5.75	5.75	6.60	0.25	4.06	6.03	16.0		
7	110521	NGUYỄN MINH ĐỨC	03/12/2003	T. Anh	5.00	5.25	6.30	9.25	6.72	5.52	17.0		
8	110522	NGUYỄN MINH ĐỨC	01/06/2003	T. Anh	4.00	4.50	5.30	8.00	5.72	4.60	18.0		
9	110523	VŨ MINH ĐỨC	10/05/2003	T. Anh	4.75	5.50	2.90	9.50	6.28	4.38	14.0		
10	110524	TRẦN THỊ NGỌC GIANG	21/02/2003	T. Anh	6.00	2.25	2.20	0.25	2.20	3.48	10.0		
11	110525	NGÔ THỊ NGỌC HÀ	27/01/2003	T. Anh	6.50	4.00	7.30	3.00	4.63	5.93	16.0		
12	110526	NGUYỄN MẠNH HIẾU	28/06/2003	T. Anh	3.75	5.25	6.90	9.50	6.69	5.30	17.0		
13	110527	VŨƠNG MINH HIẾU	17/10/2003	T. Anh	6.25	5.00	6.30	10.00	7.09	5.85	20.0		
14	110528	NGUYỄN TRUNG HIẾU	25/07/2003	T. Anh	4.25	4.25	8.00	8.25	6.21	5.50	16.0		
15	110529	LẠI THẾ HÒA	13/03/2003	T. Anh	4.75	5.50	4.70	8.75	6.33	4.98	19.0		
16	110530	ĐOÀN THỊ THU HOÀI	09/01/2003	T. Anh	5.75	2.75	4.10	4.50	4.06	4.20	16.0		
17	110531	NGÔ HUY HOÀNG	08/06/2003	T. Anh	6.75	5.75	6.10	4.50	5.56	6.20	14.0		
18	110532	TRỊNH XUÂN HOÀNG	24/08/2003	T. Anh	5.00	3.75	4.60	6.75	5.10	4.45	16.0		
19	110533	NGUYỄN MẠNH HÙNG	19/10/2003	T. Anh	4.00	4.75	7.30	7.00	5.80	5.35	17.0		
20	110534	LƯƠNG VIỆT HÙNG	08/10/2003	T. Anh	2.75	4.75	4.30	8.00	5.43	3.93	16.0		
21	110535	NGÔ QUANG HUY	06/08/2003	T. Anh	5.00	5.00	4.50	4.00	4.58	4.83	14.0		
22	110536	NGUYỄN DUY HÙNG	17/07/2003	T. Anh	5.00	5.75	2.80	5.50	5.05	4.52	19.0		
23	110537	ĐỖ QUỐC HUNG	21/12/2003	T. Anh	5.50	3.25	5.20	3.50	4.03	4.65	10.0		
24	110538	BÙI THỊNH HUNG	01/06/2003	T. Anh	6.25	5.00	5.60	5.75	5.56	5.62	19.0		

Tổ kỹ thuật viên máy tính:

Kỹ thuật viên

Đặng Trung Kiên

Lê Quốc Việt

Trần T. Thanh Huyền

Tổ trưởng

Phan Duy Hiền

Bảng này có 24 thí sinh được ghi theo Bảng ghi tên dự thi và được nhập điểm theo quy định

- Tổng số điểm môn Văn : 122.75 môn Toán : 11.75 Ngoại ngữ 129.00 môn chuyên 147.50

- Số thí sinh bị huỷ kết quả do thái độ sai : 0



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngoại ngữ	Điểm thi				Tổng chuyên	Tổng ko chuyên	Điểm sơ tuyển	Điểm KK	Ghi chú
					Văn	Toán	NgNgữ	Chuyên					
1	110539	NGUYỄN VĂN HUNG	29/12/2003	T. Anh	5.50	4.25	4.40	9.00	6.07	4.72	17.0		
2	110540	LÊ VIỆT HUNG	12/12/2003	T. Anh	5.75	5.50	4.80	0.25	3.68	5.35	16.0		
3	110541	PHẠM VIỆT HUNG	10/09/2003	T. Anh	4.75	4.75	3.10	4.25	4.31	4.20	12.0		
4	110542	TRẦN THỊ QUỲNH HƯƠNG	30/04/2003	T. Anh	6.50	5.25	8.70	8.25	7.03	6.82	17.0		
5	110543	TRẦN PHÚC KHANG	17/11/2003	T. Anh	6.50	5.00	3.90	5.50	5.23	5.13	16.0		
6	110544	TRẦN DUY KHÁNH	26/02/2003	T. Anh	6.25	5.50	7.60	8.00	6.81	6.45	20.0		
7	110545	VŨ DUY KHÁNH	19/11/2003	T. Anh	6.00	5.00	6.00	6.50	5.83	5.67	18.0		
8	110546	ĐỖ ĐĂNG KHÁNH	13/03/2003	T. Anh	5.75	5.00	4.20	6.00	5.33	4.98	14.0		
9	110547	TRẦN LAM KHÁNH	18/01/2003	T. Anh	4.50	5.50	7.30	7.00	6.13	5.77	16.0		
10	110548	NGUYỄN LÊ QUỐC KHÁNH	02/09/2003	T. Anh	4.25	4.75	6.00	5.50	5.13	5.00	16.0		
11	110549	VŨ GIA KHIÊM	09/05/2003	T. Anh	4.75	7.00	6.90	9.75	7.53	6.22	19.0		
12	110550	CỔ HUY KHOA	21/01/2003	T. Anh	6.00	5.75	6.30	7.75	6.55	6.02	16.0		
13	110551	PHẠM ĐĂNG KHUÊ	09/04/2003	T. Anh	4.00	5.50	4.70	6.25	5.37	4.73	18.0		
14	110552	NGUYỄN VĂN KỶ	16/08/2003	T. Anh	6.25	4.00	3.80	4.50	4.51	4.68	14.0		
15	110553	ĐỖ ĐÌNH LAI	08/01/2003	T. Anh	5.00	5.25	5.60	7.00	5.85	5.28	18.0		
16	110554	NGÔ DANH LAM	26/05/2003	T. Anh	6.00	5.00	8.00	8.25	6.75	6.33	17.0		
17	110555	PHẠM THÀNH LẬP	07/02/2003	T. Anh	5.50	5.00	4.80	8.00	6.05	5.10	16.0		
18	110556	NGUYỄN KHÁNH LINH	06/12/2003	T. Anh	5.00	5.00	7.20	3.75	4.95	5.73	16.0		
19	110557	PHẠM KIỀU LINH	11/08/2003	T. Anh	7.50	5.00	7.00	5.25	5.83	6.50	16.0		
20	110558	TRẦN TUẤN LINH	13/09/2003	T. Anh	3.75	4.75	7.60	6.00	5.48	5.37	16.0		
21	110559	BÙI XUÂN LỘC	05/04/2003	T. Anh	5.50	5.50	5.50	5.00	5.33	5.50	14.0		
22	110560	NGUYỄN ĐOÀN MẠNH	15/09/2003	T. Anh	5.50	5.25	7.60	4.00	5.27	6.12	16.0		
23	110561	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	03/02/2003	T. Anh	5.00	4.25	6.60	7.50	5.85	5.28	18.0		
24	110562	TRẦN DUY Mẫn	19/05/2003	T. Anh	6.00	7.00	7.50	10.00	7.92	6.83	19.0		

Tổ kỹ thuật viên máy tính:

Kỹ thuật viên

Đặng Trung Kiên

Lê Quốc Việt

Trần T. Thanh Huyền

Tổ trưởng

Phan Duy Hiến

Bảng này có 24 thí sinh được ghi theo Bảng ghi tên dự thi và được nhập điểm theo quy định

- Tổng số điểm môn Văn : 131.50 môn Toán : 124.75 Ngoại ngữ : 145.10 môn chuyên : 153.25
- Số thí sinh bị hủy kết quả do thái độ sai : 0

Nam Định, ngày 31/05/2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



Ngô Văn Nông

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngoại ngữ	Điểm thi				Tổng chuyên	Tổng ko chuyên	Điểm sơ tuyển	Điểm KK	Ghi chú
					Văn	Toán	NgNgữ	Chuyên					
1	110563	NGUYỄN NGỌC ANH MINH	16/06/2003	T. Anh	6.75	5.50	8.00	6.75	6.54	6.75	17.0		
2	110564	HOÀNG BÙI MINH	06/03/2003	T. Anh	5.25	4.50	4.20	7.00	5.41	4.65	17.0		
3	110565	MAI NHẬT MINH	25/12/2003	T. Anh	6.25	6.00	8.90	6.75	6.78	7.05	16.0		
4	110566	PHẠM ĐỨC NHẬT MINH	14/05/2003	T. Anh	3.75	4.50	4.90	5.50	4.78	4.38	16.0		
5	110567	VŨ PHƯƠNG MINH	26/02/2003	T. Anh	7.00	5.25	7.80	8.75	7.13	6.68	19.0		
6	110568	TRẦN QUANG MINH	17/03/2003	T. Anh	4.50	3.25	7.40	5.75	4.98	5.05	16.0		
7	110569	TRẦN TUẤN MINH	04/11/2003	T. Anh	4.25	5.00	5.60	6.25	5.39	4.95	15.0		
8	110570	ĐẶNG KHÁNH NAM	30/11/2003	T. Anh	5.00	5.25	4.10	5.25	5.02	4.78	16.0		
9	110571	HOÀNG THẾ NAM	08/02/2003	T. Anh	4.00	5.75	6.00	7.00	5.92	5.25	18.0		
10	110572	HOÀNG THỊ NGÂN	06/04/2003	T. Anh	6.50	4.50	4.60	9.75	6.60	5.20	18.0		
11	110573	TRƯỜNG THỊ NGÂN	28/05/2003	T. Anh	6.50	6.25	5.50	9.25	7.17	6.08	20.0		
12	110574	HOÀNG THỊ MINH NGỌC	18/06/2003	T. Anh	7.00	5.75	6.20	8.50	6.95	6.32	19.0		
13	110575	BÙI THỊ NGỌC	20/09/2003	T. Anh	8.00	5.50	6.80	9.50	7.47	6.77	19.0		
14	110576	NGUYỄN LONG NHẬT	15/12/2003	T. Anh	6.00	3.75	5.90	5.00	4.90	5.22	16.0		
15	110577	VÕ NGỌC YẾN NHI	24/01/2003	T. Anh	6.00	4.75	7.10	9.00	6.77	5.95	18.0		
16	110578	PHẠM THỊ HỒNG NHUNG	14/04/2003	T. Anh	5.50	5.50	5.00	8.50	6.42	5.33	18.0		
17	110579	HÀ NGUYỄN HOÀI NINH	01/03/2003	T. Anh	5.00	5.75	2.40	3.50	4.32	4.38	12.0		
18	110580	VŨ MẠNH PHÁT	15/06/2003	T. Anh	5.75	5.75	6.20	9.75	7.16	5.90	18.0		
19	110581	BÙI ĐẶNG ĐỨC PHONG	21/10/2003	T. Anh	5.00	6.25	6.70	9.50	7.20	5.98	17.0		
20	110582	TRẦN NHẬT PHƯƠNG	22/12/2003	T. Anh	5.25	4.50	4.60	2.75	4.06	4.78	14.0		
21	110583	PHẠM THỊ THANH PHƯƠNG	10/01/2003	T. Anh	5.50	4.50	4.10	7.50	5.60	4.70	17.0		
22	110584	TẠ THỊ THANH PHƯƠNG	27/03/2003	T. Anh	5.00	4.75	5.90	7.00	5.73	5.22	16.0		
23	110585	TRẦN THỊ PHƯƠNG	10/05/2003	T. Anh	5.50	5.25	5.40	6.00	5.57	5.38	18.0		
24	110586	ĐOÀN MINH QUANG	22/03/2003	T. Anh	5.25	5.00	4.30	7.25	5.68	4.85	16.0		

Tổ kỹ thuật viên máy tính:

Kỹ thuật viên

Đặng Trung Kiên

Lê Quốc Việt

Trần T. Thanh Huyền

Tổ trưởng

Phan Duy Hiền

Bảng này có 24 thí sinh được ghi theo Bảng ghi tên dự thi và được nhập điểm theo quy định

- Tổng số điểm môn Văn : 134.50 môn Toán : 122.75 Ngoại ngữ : 137.60 môn chuyên : 171.75
- Số thí sinh bị huỷ kết quả do thái độ sai : 0

Nam Định, ngày 31/05/2018
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
LÊ HỒNG PHONG
Ngô Vỹ Nông

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngoại ngữ	Điểm thi				Tổng chuyên	Tổng ko chuyên	Điểm sơ tuyển	Điểm KK	Ghi chú
					Văn	Toán	NgNgữ	Chuyên					
1	110587	TRẦN MINH QUANG	05/03/2003	T. Anh	5.25	6.25	7.90	10.00	7.61	6.47	19.0		
2	110588	VŨ MẠNH QUÂN	30/11/2003	T. Anh	6.00	5.00	7.10	8.50	6.68	6.03	17.0		
3	110589	HOÀNG NGUYỄN ANH QUÝ	12/07/2003	T. Anh	5.00	4.25	4.30	6.00	4.97	4.52	12.0		
4	110590	HOÀNG DUY QUÝ	07/01/2003	T. Anh	5.00	5.25	2.60	4.75	4.60	4.28	12.0		
5	110591	TRẦN QUỐC QUÝ	02/07/2003	T. Anh	4.50	4.25	5.10	4.00	4.35	4.62	14.0		
6	110592	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	02/01/2003	T. Anh	6.00	4.75	4.80	9.50	6.55	5.18	16.0		
7	110593	NGUYỄN ĐIỂM QUỲNH	15/07/2003	T. Anh	4.25	4.75	6.20	4.00	4.66	5.07	18.0		
8	110594	NGUYỄN LAN QUỲNH	10/05/2003	T. Anh	7.25	3.75	8.10	4.75	5.39	6.37	16.0		
9	110595	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	05/09/2003	T. Anh	7.75	5.25	6.60	6.25	6.23	6.53	16.0		
10	110596	ĐỖ MINH SÁNG	03/04/2003	T. Anh	6.50	5.25	7.50	6.00	6.08	6.42	16.0		
11	110597	VŨ THÁI SƠN	01/01/2003	T. Anh	4.50	5.50	2.30	5.75	4.88	4.10	16.0		
12	110598	DOÀN ĐỨC TÀI	10/02/2003	T. Anh	4.50	4.75	6.10	8.00	6.02	5.12	16.0		
13	110599	TRƯƠNG THẾ TÀI	10/09/2003	T. Anh	4.75	3.50	1.70	3.50	3.41	3.32	12.0		
14	110600	TRẦN MINH TÂM	24/03/2003	T. Anh	6.25	7.00	5.60	7.00	6.64	6.28	16.0		
15	110601	TRIỆU VĂN THẠCH	27/02/2003	T. Anh	5.50	5.00	3.40	3.50	4.32	4.63	16.0		
16	110602	PHẠM THANH THANH	17/09/2003	T. Anh	5.00	5.50	7.70	8.75	6.87	6.07	19.0		
17	110603	HOÀNG NGỌC THÀNH	06/12/2003	T. Anh	6.50	6.00	7.40	9.75	7.57	6.63	16.0		
18	110604	TRẦN LÊ NHẬT THÀNH	01/09/2003	T. Anh	5.75	4.50	6.50	1.00	3.88	5.58	14.0		
19	110605	PHẠM NGÂN DẠ THẢO	16/08/2003	T. Anh	6.25	4.25	4.50	6.25	5.29	5.00	14.0		
20	110606	ĐÌNH THỊ PHƯƠNG THẢO	16/08/2003	T. Anh	7.75	5.00	5.90	2.50	4.78	6.22	16.0		
21	110607	NGÔ THỊ PHƯƠNG THẢO	24/09/2003	T. Anh	7.50	5.00	6.50	7.25	6.42	6.33	17.0		
22	110608	LẠI THU THẢO	26/11/2003	T. Anh	8.00	6.00	6.30	7.00	6.72	6.77	18.0		
23	110609	TRẦN HUY THẮNG	23/10/2003	T. Anh	7.25	6.00	7.00	9.50	7.54	6.75	19.0		
24	110610	VŨ MINH THẮNG	05/08/2003	T. Anh	7.25	3.75	3.70	7.50	5.58	4.90	17.0		

Tổ kỹ thuật viên máy tính:

Kỹ thuật viên

Đặng Trung Kiên 

Lê Quốc Việt 

Trần T. Thanh Huyền 

Tổ trưởng

Phan Duy Hiên 

Bảng này có 24 thí sinh được ghi theo Bảng ghi tên dự thi và được nhập điểm theo quy định

- Tổng số điểm môn Văn : 144.25 môn Toán : 120.50 Ngoại ngữ : 134.80 môn chuyên : 151.00
- Số thí sinh bị huỷ kết quả do thái độ sai: 0

Nam Định, ngày 31/05/2018
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Ngô Vỹ Nông 

BẢNG GHI ĐIỂM THI
MÔN CHUYÊN: VẬT LÝ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngoại ngữ	Điểm thi				Tổng chuyên	Tổng ko chuyên	Điểm sơ tuyển	Điểm KK	Ghi chú
					Văn	Toán	NgNgữ	Chuyên					
1	110611	TẠ BÁ THIÊN	18/01/2003	T. Anh	5.00	5.25	2.90	7.50	5.57	4.38	13.0		
2	110612	PHÙNG ĐỨC THỊNH	10/08/2003	T. Anh	4.50	4.00	5.60	5.50	4.85	4.70	18.0		
3	110613	TỔNG ĐỨC THUẬN	07/01/2003	T. Anh	5.00	5.50	3.90	6.50	5.48	4.80	17.0		
4	110614	TRẦN XUÂN THUẬN	31/01/2003	T. Anh	4.25	6.50	5.30	9.25	6.84	5.35	19.0		
5	110615	NGUYỄN THU THỦY	29/12/2003	T. Anh	6.00	5.50	6.90	6.25	6.07	6.13	18.0		
6	110616	NGUYỄN MINH TIỆP	24/07/2003	T. Anh	3.25	4.00	3.20	7.50	4.91	3.48	13.0		
7	110617	VŨ MINH TRANG	28/12/2003	T. Anh	7.25	5.50	8.10	8.25	7.14	6.95	19.0		
8	110618	TRẦN VIỆT TRANG	25/03/2003	T. Anh	5.75	5.25	7.40	8.50	6.78	6.13	16.0		
9	110619	VŨ VIỆT TRÍ	28/04/2003	T. Anh	4.50	6.25	4.80	3.75	4.88	5.18	16.0		
10	110620	PHẠM ĐỨC TRUNG	10/10/2003	T. Anh	4.25	5.75	4.20	8.25	6.08	4.73	14.0		
11	110621	PHAN QUANG TRUNG	22/10/2003	T. Anh	4.75	2.25	2.80	0.50	2.18	3.27	12.0		
12	110622	TRẦN QUỐC TRUNG	01/10/2003	T. Anh	3.75	5.00	1.50	1.50	3.04	3.42	14.0		
13	110623	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	27/10/2003	T. Anh	3.50	5.25	8.10	9.75	6.93	5.62	16.0		
14	110624	NGUYỄN MINH TÚ	11/10/2003	T. Anh	3.50	5.25	4.10	4.75	4.60	4.28	10.0		
15	110625	HOÀNG THANH TÚ	26/11/2003	T. Anh	6.50	5.25	4.70	10.00	6.95	5.48	19.0		
16	110626	VŨ THỊ THANH TÚ	23/08/2003	T. Anh	---	---	---	---	---	---	18.0		
17	110627	TRẦN THẾ TÚ	12/04/2003	T. Anh	5.25	6.00	5.50	9.75	7.04	5.58	19.0		
18	110628	TRẦN ANH TUẤN	01/07/2003	T. Anh	6.25	5.25	7.40	4.50	5.53	6.30	14.0		
19	110629	ĐỖ MINH TUẤN	03/10/2003	T. Anh	4.25	7.00	7.90	9.25	7.44	6.38	18.0		
20	110630	NGUYỄN THỊ TUYẾT	21/02/2003	T. Anh	4.50	3.50	4.60	0.00	2.68	4.20	16.0		
21	110631	DƯƠNG TỔ UYÊN	25/03/2003	T. Anh	5.00	5.25	5.70	6.75	5.78	5.32	16.0		
22	110632	NGUYỄN KHÁNH VÂN	17/05/2003	T. Anh	5.75	4.50	4.70	6.00	5.24	4.98	18.0		
23	110633	ĐẶNG QUỐC VIỆT	27/04/2003	T. Anh	5.25	2.50	2.30	5.75	4.01	3.35	11.0		
24	110634	NGUYỄN THỊ THUỶ VY	07/01/2003	T. Anh	5.75	3.75	4.70	5.25	4.74	4.73	16.0		

Tổ kỹ thuật viên máy tính:

Kỹ thuật viên

Đặng Trung Kiên

Lê Quốc Việt

Trần T. Thanh Huyền

Tổ trưởng

Phan Duy Hiền

Bảng này có 24 thí sinh được ghi theo Bảng ghi tên dự thi và được nhập điểm theo quy định

- Tổng số điểm môn Văn : 113.75 môn Toán : 114.25 Ngoại ngữ : 116.30 môn chuyên : 145.00

- Số thí sinh bị huỷ kết quả do thái độ sai: 0

Nam Định, ngày 31/05/2018
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
LÊ HỒNG PHONG
Ngô Vỹ Nông